TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **43**/2019/QĐST-HNGĐ	*P, ngày 28 tháng 3 năm 2019.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 51/2019/TLST/HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2019, giữa:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Trọng T, sinh năm 1984. Địa chỉ: Thôn C, xã Q, huyện L, tỉnh Nghệ An.
- Bị đơn: Chị Cao Thị M, sinh năm 1990. Địa chỉ: Thôn B, xã V, huyện P, tỉnh Quảng Nam.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 58 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 3 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 3 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Trọng T và chị Cao Thị M.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Trọng T và chị Cao Thị M thuận tình ly hôn.

2.2. Về nuôi con chung:

2.2.1. Anh Nguyễn Trọng T và chị Cao Thị M thỏa thuận thống nhất giao con chung Nguyễn Trọng H, sinh ngày 23/8/2012 cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi thành niên *(Đủ 18 tuổi)*.

2.2.2. Chị M không cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị M có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai đ□ợc phép cản trở quyền này. Khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi ng□ời trực tiếp nuôi con, mức cấp d□ỡng nuôi con.

2.3. Về chia tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về nợ chung, nợ riêng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Về án phí: Anh Nguyễn Trọng T tự nguyện chịu 150.000 *(Một trăm năm mươi nghìn)* đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng anh T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003536, ngày 18 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Quảng Nam. Anh T được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí là 150.000 *(Một trăm năm mươi nghìn)* đồng.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện P;
- UBND xã V;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Quân